

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn huyện Cao Lộc**

Thực hiện Công văn số 149/BDT-NV, ngày 01/4/2024 của Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn về việc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc báo cáo như sau:

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

#### 1. Đặc điểm tình hình huyện

Cao Lộc là huyện miền núi biên giới, nằm ở phía Bắc tỉnh Lạng Sơn, có địa hình bao quanh thành phố Lạng Sơn, phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc, phía Nam tiếp giáp với huyện Chi Lăng và huyện Văn Quan, phía Đông tiếp giáp với huyện Lộc Bình, phía Tây tiếp giáp với huyện Văn Lãng. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 619,08km<sup>2</sup> được chia thành 20 xã và 02 thị trấn; căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, toàn huyện có 09 xã vùng III gồm các xã: Công Sơn, Mẫu Sơn, Thạch Đạn, Thanh Lò, Phú Xá, Xuân Long, Bình Trung, Hòa Cư, Lộc Yên; 01 xã vùng II: Cao Lâu; 12 xã, thị trấn vùng I gồm: Bảo Lâm, Hồng Phong, Thụy Hùng, Tân Liên, Yên Trạch, Gia Cát, Xuất Lễ, Tân Thành, Hợp Thành, Hải Yên, thị trấn Đồng Đăng, thị trấn Cao Lộc. Huyện có 154 thôn, khu phố, trong đó có 49 thôn đặc biệt khó khăn, tổng số hộ 20.512 hộ, trong đó có 19.288 hộ dân tộc thiểu số, chiếm 94,03%; tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện 5,27% trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 98,42%.

#### 2. Kết quả giảm nghèo năm 2023

Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023: Hộ nghèo 1.082 hộ, chiếm tỷ lệ 5,27%, số hộ thoát nghèo là 562 hộ, tỷ lệ giảm 3,02% vượt so với kế hoạch đề ra; Hộ cận nghèo 1.680 hộ, chiếm tỷ lệ 8,19%, số hộ thoát cận nghèo là 343 hộ, tỷ lệ giảm 2,02% đạt so với kế hoạch đề ra.

### II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-TTg NGÀY 31/12/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

#### 1. Công tác chỉ đạo thực hiện

Thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, UBND huyện đã

ban hành Công văn số 378/UBND-LĐTBXHDT ngày 22/02/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở nội dung văn bản của huyện, phòng chuyên môn đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức quán triệt, phổ biến đến cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn huyện, định kỳ phòng tham mưu tổng hợp báo cáo kết quả xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

## **2. Việc áp dụng các tiêu chí trong triển khai thực hiện các chính sách giai đoạn 2021-2025**

### **a) Tiêu chí số 1: Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số**

- Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019: Hộ nghèo 1931 hộ, chiếm tỷ lệ 10,54% (*Trong đó số hộ nghèo dân tộc thiểu số (DTTS) 1909 hộ chiếm tỷ lệ 98,86%*), số hộ thoát nghèo là 956 hộ, tỷ lệ giảm 5,36%; Hộ cận nghèo 1.752 hộ, chiếm tỷ lệ 9,56%, số hộ thoát cận nghèo là 822 hộ.

- Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023: Hộ nghèo 1.082 hộ, tỷ lệ 5,27% (*Trong đó số hộ nghèo DTTS 1.065 hộ chiếm tỷ lệ 98,43%*), số hộ thoát nghèo là 562 hộ, tỷ lệ giảm 3,02%; Hộ cận nghèo 1.680 hộ, chiếm tỷ lệ 8,19%, số hộ thoát cận nghèo là 343 hộ, tỷ lệ giảm 2,02%.

Tổng số hộ dân tộc thiểu số của xã vùng III, thôn đặc biệt khó khăn của các xã vùng I, II trên địa bàn huyện là: 5.306 hộ, trong đó có 1.369 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 25,8% năm 2019; đến năm 2023 là 5.809 hộ, trong đó có 933 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 16,06% giảm 9,74%.

Tiêu chí này đã áp dụng để triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chính sách khác trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025.

### **b) Tiêu chí số 2: Tỷ suất chết của trẻ em DTTS dưới 1 tuổi tại địa phương:**

- Qua rà soát số liệu từ cơ sở giai đoạn 2021 - 2023 tại các xã khu vực III xã khu vực I, II có thôn đặc biệt khó khăn: có 01 trường hợp chết trẻ em dưới 1 tuổi;

- Để thực hiện tốt các tiêu chí trên, tại địa phương đã triển khai thực hiện các chính sách:

+ Triển khai thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng suy dinh dưỡng trẻ em (*theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*);

+ Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số: phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

+ Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế quyết định về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

+ Quyết định số 1493/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030.

+ Quyết định số 1858/QĐ-BYT ngày 06/7/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

*(Số liệu cụ thể các tiêu chí theo phụ lục 1,2 kèm theo báo cáo)*

**c) Tiêu chí 3:** Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, không biết viết tiếng Việt phổ thông tại địa phương:

- Tỷ lệ mù chữ mức độ 2 hàng năm (giai đoạn 2019 - 2023) của huyện giảm dần từ 2,97% xuống còn 2,07% (giảm 0,9%).

- Hạn chế: Mặc dù tỷ lệ mù chữ mức độ 1 trong 5 năm qua đã giảm dần từ 2,97% xuống còn 2,07% (giảm 0,9%). Tuy nhiên số lượng người DTTS từ 15 tuổi trở lên chưa biết đọc, biết viết tiếng Việt phổ thông vẫn còn tương đối cao. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức và cuộc sống của người dân cũng như sự tuyên truyền về chính sách đối với các cấp chính quyền và các tổ chức.

- Tỷ lệ mù chữ mức độ 2 hàng năm của xã vùng III, thôn đặc biệt khó khăn vùng I,II (từ năm 2019 đến năm 2023) đã giảm dần từ 11,97% xuống còn 0,82% (giảm 11,15%).

- Để thực hiện tốt các tiêu chí trên tại địa phương đã triển khai thực hiện một số chính sách sau: chính sách tại Tiểu dự án 1 - Dự án 5 (được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**3. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc đối với nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù**

**a) Chính sách đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn:**

- Các chính sách hiện nay đang thực hiện trên địa bàn huyện: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Đã thực hiện đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng như đường giao thông, trường học, nhà văn hóa, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ trực tiếp nước sinh hoạt phân tán phục vụ đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề phục sản xuất cho bà con; ngoài ra còn hỗ trợ các chính sách chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; các chính sách về bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; hỗ trợ nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ

các cấp về thực hiện chương trình mục tiêu, các chính sách cho người có uy tín,... đã góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, nâng cao đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo của người dân thuộc vùng đồng bào DTTS, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

**b) Chính sách đối với dân tộc có khó khăn đặc thù:** Không có

### **III. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ CỦA TIÊU CHÍ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **1. Ưu điểm**

- Về đối tượng và địa bàn thực hiện phù hợp với vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Về tiêu chí: Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 đã đáp ứng được việc thực hiện chính sách đầu tư đối với các nhóm DTTS.

#### **2. Hạn chế**

Việc tiếp cận theo địa bàn (*xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn*) dẫn đến một số dân tộc đáp ứng đủ tiêu chí nhưng không đáp ứng được yêu tố địa bàn nên không được thụ hưởng chính sách ưu tiên cho nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị Ủy ban Dân tộc có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể nếu tiếp tục triển khai thực hiện tiêu dự án 1 - dự án 9 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

Trên đây là Báo cáo công tác triển khai, thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cao Lộc./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Dân tộc tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng: LĐTBOXH-DT, GDĐT huyện;
- Trung tâm Y tế huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CPVP;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thịnh**